



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/DMKDAIRYVN/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DMK DAIRY VIETNAM

Địa chỉ: Văn phòng 02, Tầng 08, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 090 274 7538

Email: info@dmk-asia.com

Mã số doanh nghiệp: 0317610477

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm:** SỮA TƯƠI TIẾT TRỪNG ÍT BÉO HIỆU OLDENBURGER (1.5% BÉO)
- Thành phần:** 100% sữa bò tươi nguyên chất (1.5% chất béo).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước khi hết hạn. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem “Prod. Date, Exp. Date” ở mặt trên hộp.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong hộp giấy tráng nhôm, thùng giấy. Cam kết bao bì chứa đựng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách bao gói: Đóng gói kín. Thể tích thực: 1 L, 12 L (12 hộp x 1 L)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Đức

Sản xuất tại: DMK Deutsches Milchkontor GmbH

Địa chỉ: Industriestrasse 27, 27404 Zeven, Đức

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng

1. Chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	Hàm lượng protein sữa, % khối lượng, không nhỏ hơn	%	2,7

02	Tỷ trọng ở 20°C, không nhỏ hơn	-	1,026
----	--------------------------------	---	-------

2. Chỉ tiêu an toàn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
01	Asen (As)	mg/Kg	0,5
02	Cadmi (Cd)	mg/Kg	1
03	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	0,05
04	Chì (Pb)	mg/Kg	0,02
05	Aflatoxin M1	µg/Kg	0,5
06	Benzympenicilin/Procain benzympenicilin	µg/Kg	4
07	Clortetracyclin/Oxytetracyclin/ Tetracyclin	µg/Kg	100
08	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	µg/Kg	200
09	Gentamicin	µg/Kg	200
10	Spiramycin	µg/Kg	200
11	Endosulfan	mg/Kg	0,01
12	Aldrin và dieldrin	mg/Kg	0,006
13	Cyfluthrin	mg/Kg	0,04
14	DDT	mg/Kg	0,02
15	Enterobacteriaceae	CFU/ml	5
16	L. monocytogenes	CFU/ml	100

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY
TNHH
DMK DAIRY
VIETNAM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG LÊ HIỀN HÒA



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **SỮA TƯƠI TIẾT TRỪNG ÍT BÉO HIỆU OLDENBURGER**
(1.5% BÉO)

Thành phần: 100% sữa bò tươi nguyên chất (1.5% chất béo).

Ngày sản xuất: Xem “Prod. Date” ở mặt trên hộp.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước khi hết hạn, xem “Exp. Date” ở mặt trên hộp.

Thời hạn sử dụng: 12 tháng (365 ngày).

Thể tích thực: 1 L

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh và sử dụng trong vòng vài ngày.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm nếu có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

CÔNG TY TNHH DMK DAIRY VIETNAM

Địa chỉ: Văn phòng 02, Tầng 08, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 090 274 7538 Email: info@dmk-asia.com

Xuất xứ: Đức

Sản xuất tại: DMK Deutsches Milchkontor GmbH

Địa chỉ: Industriestrasse 27, 27404 Zeven, Đức

Số Tự Công Bố: 01/DMKDAIRYVN/2023



Tên sản phẩm: **SỮA TƯƠI TIẾT TRỪNG ÍT BÉO HIỆU OLDENBURGER**
(1.5% BÉO)

Thành phần: 100% sữa bò tươi nguyên chất (1.5% chất béo).

Ngày sản xuất: Xem “Prod. Date” ở mặt trên hộp.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước khi hết hạn, xem “Exp. Date” ở mặt trên hộp.

Thời hạn sử dụng: 12 tháng (365 ngày).

Thể tích thực: 12 L (12 hộp x 1 L)

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh và sử dụng trong vòng vài ngày.

Thông tin cảnh báo: *Không sử dụng sản phẩm nếu có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.*

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

CÔNG TY TNHH DMK DAIRY VIETNAM

Địa chỉ: Văn phòng 02, Tầng 08, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 090 274 7538

Email: info@dmk-asia.com

Xuất xứ: Đức

Sản xuất tại: DMK Deutsches Milchkontor GmbH

Địa chỉ: Industriestrasse 27, 27404 Zeven, Đức

Số Tự Công Bố: 01/DMKDAIRYVN/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ Page No: 1/2

Mã số/ Ref. No: R1-TSL1230300685-1

Ngày cấp lại/ Re-issued date: 27/07/2023

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả mã số TSL1230300685-1 ban hành ngày 19/03/2023/
This report replaces the report No TSL1230300685-1 issued on 19/03/2023)

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY TNHH DMK DAIRY VIETNAM**
- Địa chỉ/ Client's Address : Văn phòng 02, Tầng 08, Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 13/03/2023
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 13/03/2023
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 19/03/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG ÍT BÉO HIỆU OLDENBURGER (1.5% BÉO)**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Protein sữa (*) / Milk protein (*)	3.50	g/100mL	-	TCVN 8099-4:2018
2	LS Tỷ trọng tương đối của sữa ở 20°C / Realative density of milk at 20°C	1.034	-	-	TCVN 5860:2007
3	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-02:2018
4	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-02:2018
5	LS Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-02:2018
6	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-02:2018
7	LS Aflatoxin M ₁ (*) / Aflatoxin M ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.008	TS-KT-SK-39:2018 (Ref. TCVN 6685:2009)
8	LS Penicillin G (Benzylpenicillin) (*) / Penicillin G (Benzylpenicillin) (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/L	1.7	TS-KT-SK-114 (CLG- BLAC.03)
9	LS Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin) / Penicillin G procaine (Procaine benzylpenicillin)	Không phát hiện / Not detected	mg/L	0.01	TS-KT-SK-114:2020
10	LS Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/L	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
11	LS Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/L	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ Page No: 2/2

Mã số/ Ref. No: R1-TSL1230300685-1

Ngày cấp lại/ Re-issued date: 27/07/2023

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	LS Tetracycline (*) / Tetracycline (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/L	0.5	TS-KT-SK-08:2019 (Ref. AOAC 995.09)
13	LS Dihydrostreptomycin / Dihydrostreptomycin	Không phát hiện / Not detected	µg/L	50	TS-KT-SK-86:2020
14	LS Streptomycin / Streptomycin	Không phát hiện / Not detected	µg/L	10	TS-KT-SK-56:2018
15	LS Gentamicin (*) / Gentamicin (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/L	30	TS-KT-SK-86
16	LS Spiramycin (*) / Spiramycin (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/L	3	TS-KT-SK-86
17	LS Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan) / Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-SK-14:2020
18	LS Aldrin và dieldrin (HHDN+HEOD) / Aldrin and dieldrin (HHDN+HEOD)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-14:2020
19	LS Cyfluthrin sum (*) / Cyfluthrin sum (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-14:2020
20	LS DDT (tổng p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'- DDE, p,p'-TDE) / DDT (sum p,p'- DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE, p,p'- TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-SK-14:2020
21	LS Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	ISO 21528-2:2017
22	LS Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/mL	1	ISO 11290-2:2017

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER


NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in